TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 609/2023/DS-PT
Ngày: 14/12/2023
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Vũ Toàn Giang

Các Thẩm Phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Ông Trương Chí Anh

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Ninh Việt Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bách Thiện Linh* - Kiểm sát viên.

Ngày 14/12/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử púc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2023/TLPT-DS ngày 06/10/2023 về "tranh chấp thừa kế tài sản"

Do Bản án số: 52/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 607/QĐXX-DSPT ngày 01/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1949;

HKTT: Tổ 16 phường P, quận H, thành phố Hà Nội; Địa chỉ hiện nay: Số nhà 07, tổ dân phố 15, phường P, quận H, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1992 (Theo Giấy ủy quyền số Công chứng 1218 ngày 23/10/2023 tại Văn phòng Công chứng số X thành phố Hà Nội); *Có mặt*

2. Bị đơn: Anh Dương Ngọc M, sinh năm 1972;

HKTT: Tổ 15, phường P, quận H, thành phố Hà Nội;

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Nguyên A, sinh năm 1999; HKTT: Tổ 6, quận B, Hà Nội; (Theo Giấy ủy quyền số chứng thực 631/2022; Quyển số 05/SCT/CT ngày 16/8/2022 tại VP Công chứng N); *Có mặt*

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc H1, Luật sư Công ty Luật TNHH Đ, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Văn M1, sinh năm 1976; HKTT: Tổ 15, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; Hiện ở: Số 177 phố B1, tổ 1, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Bà Trần Thị C và chồng là ông Dương Văn H2 sinh năm 1944 có 03 người con trai là: anh Dương Ngọc M, sinh năm 1972, anh Dương Văn M1 sinh năm 1976 và anh Dương Văn N1, sinh năm 1979.

Về tài sản: Gia đình bà C, ông H2 có thửa đất số 54 tờ bản đồ số 14, diện tích 183,5m^2. Năm 2012, vợ chồng bà C, ông H2 và các con đã họp gia đình và lập biên bản thống nhất phân chia cho các con quyền sử dụng đất riêng, cụ thể như sau: Anh Dương Ngọc M được nhận 63,9m^2. Anh Dương Văn M1 được nhận 57,9m^2. Anh Dương Văn N1 được nhận 61,7m^2. Khi phân chia, đã lập biên bản họp gia đình (có người chứng kiến), sau đó làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho các anh M, M1, N1 theo quy định của pháp luật. Các anh M, M1, N1 đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng, không có tranh chấp gì.

Ngày 20/01/2017, con trai thứ ba của bà C là anh Dương Văn N1 chết, trước khi chết, chưa đăng ký kết hôn và chưa có con với ai.

Ngày 31/7/2019, chồng bà C là ông Dương Văn H2 chết. Ông H2 có Di chúc miệng dặn bà C là sau khi ông chết sẽ để lại toàn bộ phần tài sản do anh N1 để lại giao cho con trai thứ hai là anh Dương Văn M1 chăm nom, quản lý. Sau khi ông H2 chết được 100 ngày, bà C đã làm cơm cúng và tổ chức họp mặt anh em nội ngoại đầy đủ, công bố di nguyện này của ông H2. Cả gia đình trong đó có hai con trai là Dương Ngọc M và Dương Văn M1, cùng anh em, họ hàng đều nhất trí với di nguyện của ông Dương Văn H2, không có ai có ý kiến gì khác.

Ngày 05/12/2019, bà C đã đến Phòng công chứng số X - thành phố Hà Nội làm văn bản khai nhận di sản thừa kế và đã làm xong thủ tục thông báo niêm yết di sản thừa kế tại trụ sở Uỷ ban nhân dân phường P. Tuy nhiên, sau đó, anh Dương Ngọc M lại đổi ý, không thực hiện theo di nguyện của ông H2. Phòng công chứng số X phải làm thủ tục huỷ văn bản khai nhận di sản thừa kế nêu trên (Văn bản huỷ văn bản khai nhận di sản thừa kế số 2943 quyển số 12-2019/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 26/12/2019). Anh M muốn được hưởng toàn bộ tài sản nhà đất của anh N1, trái với di nguyện của chồng bà là ông H2. Gia đình mâu thuẫn bất đồng, anh M đối xử tệ bạc với bà, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của bà. Mẹ con không tự phân chia được tài sản thừa kế.

Nay bà C khởi kiện anh Dương Ngọc M tại Tòa án đề nghị chia thừa kế di sản của anh Dương Văn N1 để lại là quyền sử dụng đất và nhà ở tại Tổ 15, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Bà C yêu cầu được chia kỷ phần bằng hiện vật. Đối với phần di sản thừa kế bà được nhận, bà để lại cho anh Dương Văn M1 để anh M1 thờ phụng tổ tiên, cha mẹ và người em đã mất.

Tại các lời khai tiếp theo: Bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia thừa kế, đề nghị được chia thừa kế tài sản của anh N1 để lại là nhà đất tại địa chỉ nêu trên, cụ thể: bà và ông H2 mỗi người được 1/2 di sản của anh N1; phần của ông H2 được hưởng, nay ông H2 đã chết (năm 2019), nên chia làm 3 phần: bà và anh M, anh M1 mỗi người được 1/3 di sản. Bà C đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế

bằng hiện vật, vì bà đã ở cùng anh N1 tại nhà đất này từ khi gia đình phân chia cho các con đến nay. Sau khi chia thừa kế, bà sẽ xây nhà thờ để thờ cúng tổ tiên và chồng con như di nguyện của ông H2; còn phần của anh M, anh M1 được hưởng bao nhiêu, bà C xin thanh toán bằng tiền cho các con.

- Bị đơn anh Dương Ngọc M trình bày:

Về quan hệ huyết thống, xác nhận đúng như mẹ anh là bà C đã khai: Bố mẹ anh là ông Dương Văn H2 và bà Trần Thị C sinh được 3 người con là: anh và hai em là Dương Văn M1 , sinh năm 1976 và Dương Văn N1, sinh năm 1979. Ngoài ra bố mẹ anh không có con nuôi nào khác.

Năm 2017, anh N1 bệnh và ốm chết. Trước khi mất, anh N1 chưa kết hôn với ai, chưa có con đẻ hay con nuôi cũng như không có bố mẹ nuôi nào khác. Anh N1 không để lại di chúc hay tặng cho ai nhà đất của mình. Năm 2019, bố anh là ông Dương Văn H2 ốm chết. Ông cũng không để lại di chúc gì.

Về yêu cầu khởi kiện của mẹ anh là bà Trần Thị C yêu cầu chia thừa kế nhà đất của anh N1: Anh xác định năm 2012, bố mẹ anh cùng 3 anh em anh đã họp gia đình, bố mẹ phân chia đất ở cho 3 anh em. Theo đó, anh M được hơn 63m^2, anh M1 được hơn 57m^2, anh N1 được 61,7m^2. Sau khi bố mẹ tôi chia như trên thì 3 anh em đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên theo đúng biên bản phân chia của bố mẹ. Phần đất của anh, vợ chồng anh đã xây nhà 3 tầng và sinh sống tại nhà đất này. Phần của anh M1 , là sân, ở giữa, chưa xây nhà. Vợ chồng anh M1 hiện ở phường B. Còn nhà đất anh N1 có ông H2, bà C và anh N1 ở.

Sau khi anh N1 và ông H2 chết, thì mẹ anh vẫn sinh sống ở trên nhà đất anh N1. Vợ chồng anh và bà C không có mâu thuẫn gì.

Vào ngày 100 ngày mất của bố anh (ông H2) thì mẹ anh có nói trước họ hàng nội ngoại về việc chia đất cho các con là anh (M) và anh M1 . Cụ thể là, cho anh (M) thửa đất trong làng thuộc tổ 16, phường P, diện tích khoảng 130m^2 (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); cho anh M1 nhà đất của anh N1 tại tổ 15, phường P. Nhưng anh có ý kiến là mẹ nên chia đều cho hai con ở cả hai nơi. Tức là chia đôi phần nhà đất của chú N2, cũng chia đôi thửa đất trong làng của ông, bà. Việc nói trên đã dừng lại ở đây, không ai có ý kiến gì khác và không có biên bản gì.

Nay, mẹ anh kiện anh về việc phân chia di sản thừa kế của anh N1 thì anh có ý kiến: Bố mẹ sinh được 3 anh em, không may anh N1 chết, còn lại hai anh em. Quan điểm của anh, là mẹ nên chia đều cho hai con còn lại, để hài hòa anh em, cũng như đảm bảo quyền lợi, và tình cảm gia đình. Anh cũng mong muốn gia đình, mẹ con, anh em tự giải quyết việc này.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Dương Ngọc M trình bày: Đối với việc bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần di sản của anh Dương Văn N1 để lại, anh M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh M khẳng định ông H2 chưa bao giờ có di nguyện giao lại toàn bộ tài sản của anh N1 cho anh M1 . Anh M cũng chưa bao giờ đồng ý nội dung này. Bà C đã có nhà đất khác ở trong làng, và nhà đất trong làng mới do tổ tiên các

cụ để lại. Bà C đã sinh sống ổn định trong làng 30-40 năm nay. Anh M1 cũng đã có nhà đất riêng biệt, công việc kinh doanh và thu nhập ổn định. Nên đề nghị Tòa án chia nhà đất là di sản thừa kế cho anh M bằng hiện vật và thanh toán cho bà C và anh M1 bằng tiền tương ứng giá trị bà C và anh M1 được hưởng.

Ngày 19/8/2022, anh Dương Ngọc M có đơn yêu cầu phản tố: Nội dung anh M đề nghị Tòa án trước khi phân chia di sản thừa kế của anh N1 để lại thì ưu tiên thanh toán cho anh M toàn bộ chi phí anh M bỏ ra chăm sóc viện phí cho anh N1 là 15.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với số tiền tiết kiệm của ông Dương Văn H2 để lại gửi tại ngân hàng là 130.000.000 đồng.

Ngày 13/01/2023, đại diện của bị đơn có lời khai yêu cầu phản tố chia di sản thừa kế của ông Dương Văn H2 và anh Dương Văn N1 đối với thửa đất nông nghiệp tại Phú Lương, H hiện nay nhà nước đang tổ chức thu hồi làm đường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Dương Văn M1 trình bày: Anh nhất trí ý kiến của bà Trần Thị C . Đề nghị Tòa án chia thừa kế cho theo quy định của pháp luật. Phần của anh M1 xin hưởng bằng giá trị, bằng tiền. Về ý kiến của anh M đối với việc chăm sóc anh N1: Anh M nói hoàn toàn sai sự thật về viện phí của chú N2. Về chi phí khám chữa bệnh của anh N1 là anh có bảo hiểm mà do chính vợ chồng anh mua bảo hiểm y tế cho anh N1 tại UBND P. Việc thuê xe, và viện phí là do bố mẹ anh đưa tiền cho anh M đi thanh toán toàn bộ. Việc chăm sóc anh N1 ở viện thì anh M chia đều cho hai anh em. Thậm chí khi đó anh bị tai biến nhưng vẫn đến chăm sóc em, còn anh M nhờ anh em ở làng trông hộ. Khi anh N1 chết thì anh M cũng không có mặt ở đó, vì anh ấy nhờ người khác trông hộ. Về phần tiền tiết kiệm của ông H2: Khi bố anh mất có để lại 130.000.000 đồng tiết kiệm gửi Ngân hàng. Gia đình đi lấy về, mẹ anh đã chia cho anh M 45.000.000 đồng, chia cho anh 20.000.000 đồng, còn lại mẹ anh chi phí đám tang cho bố anh. Nhà đất trong làng vẫn đứng tên bố anh là ông Dương Văn H2. Chưa phân chia cho ai. Anh M hiện có nhà ở riêng tại tổ 15, phần đã được chia, cạnh thửa đất của anh. Anh M đã xây nhà 3 tầng hiện đang ở nhà này, diện tích được phân chia cũng nhiều nhất trong 3 anh em. Phần đất của anh được chia chưa xây nhà. Khi anh N1 chết, chưa có vợ con, cũng không có di chúc để lại. Do đó anh đề nghị chia thừa kế phần di sản của chú N2 theo pháp luật, như ý kiến mẹ anh trình bày. Nếu được chia thừa kế, bố mẹ cho đâu anh xin đấy, không có ý kiến gì.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 06/9/2022, ông Dương Văn T, sinh năm 1940; trú tại Tổ 16 phường P, quận H, thành phố Hà Nội có gửi đơn khởi kiện bà Trần Thị C , anh Dương Ngọc M và anh Dương Văn M1 yêu cầu bà C, anh M, anh M1 trả lại toàn bộ diện tích đất mà bà C, anh M, anh M1 đang quản lý sử dụng thuộc thửa đất 8 thước của ông tại tổ Tổ 15 phường P, quận H, thành phố Hà Nội của các cụ để lại, trong đó có một phần là thửa đất đang tranh chấp chia thừa kế giữa bà C với anh M.

Bản án số: 52/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội đã Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Thị C .

- Xác định di sản thừa kế của anh Dương Văn N1 là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất tại thửa đất số 54B, tờ bản đồ số 14, diện tích 61.7m^2, địa chỉ: Tổ 15 phường P, quận H, thành phố Hà Nội có tổng giá trị bằng 957.203.122 đồng.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của anh N1 vào ngày 20/01/2017, không để lại di chúc.

- Xác định hàng thừa kế hàng thứ nhất của anh N1 gồm bố mẹ đẻ là ông Dương Văn H2 và bà Trần Thị C . Chia thừa kế cho ông H2 và bà C mỗi người được hưởng 1/2 di sản, mỗi kỷ phần được hưởng 478.601.561 đồng.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Dương Văn H2 vào ngày 31/7/2019. Xác nhận phần di sản của ông H2 là 478.601.561 đồng. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 gồm vợ là bà C và hai con là anh M, anh M1 . Chia thừa kế cho bà C, anh M, anh M1 mỗi người được 1/3, mỗi kỷ phần được hưởng 159.533.854 đồng .

- Giao bà Trần Thị C được sử hữu, sử dụng nhà đất tại thửa đất số 54B, tờ bản đồ số 14, diện tích 61.7m^2, địa chỉ: Tổ 15 phường P, quận H, thành phố Hà Nội (mốc giới thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Dương Văn N1).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bà C có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất được chia thừa kế.

- Buộc bà Trần Thị C thanh toán cho anh Dương Ngọc M và anh Dương Văn M1 mỗi người 159.533.854 đồng .

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Dương Ngọc M đối với 15.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử phần phản tố đối với yêu cầu phản tố 130.000.000 đồng.

3. Không xem xét yêu cầu phản tố của anh M đối với yêu cầu chia thừa kế thửa đất nông nghiệp tại phường P, quận H đang thuộc diện thu hồi, giải phóng mặt bằng theo quy định của nhà nước.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn anh Dương Ngọc M và người đại diện theo ủy quyền kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa:

- Bị đơn, Đại diện theo ủy quyền và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị chấp nhận kháng cáo và hủy bản án sơ thẩm.

- Nguyên đơn và Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế theo quy định của pháp luật, đề nghị chia cho bà C nhận bằng hiện vật,

phần anh M1 được hưởng xin nhận bằng tiền. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố và kháng cáo của anh M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại giá trị đất theo biên bản định giá tài sản tại cấp phúc thẩm, chia lại di sản thùa kế của ông H2 và anh N1 theo quy định của pháp luật. Trong đó anh M được hưởng kỷ phần thừa kế tương đương giá trị 423.815.520 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn anh Dương Ngọc M trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí nên được coi là hợp lệ về hình thức.

[2] Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết đúng quy định của các Điều 26, 35 và 39; khoản 2, 3, 4 Điều 68 khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Dương Ngọc M:

[3]. Về quan hệ huyết thống: Các đương sự thừa nhận vợ chồng bà Trần Thị C , ông Dương Văn H2 có 03 người con gồm: anh Dương Ngọc M, sinh ngày 05/9/1972; anh Dương Văn M1 sinh ngày 26/11/1976 và anh Dương Văn N1, sinh ngày 08/8/1979.

Anh Dương Văn N1 đã chết ngày 20/01/2017 (Trích lục khai tử số 16/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân phường P, quận H cấp ngày 20/1/2017), không để lại di chúc. Anh Dương Văn N1 trước khi chết chưa kết hôn, không có con đẻ, con nuôi và không có bố mẹ nuôi.

Ông Dương Văn H2 chết ngày 31/7/2019 (Giấy khai tử số 65/2019/TLKT do Ủy ban nhân dân phường P, quận H cấp ngày 08/8/2019), không để lại di chúc. Ngoài ra không có con nuôi, con riêng. Bố mẹ ông H2 là cụ Dương Văn D đã chết năm 1945, và cụ Đặng Thị N2 đã chết năm 2001.

Về di sản thừa kế: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu do đương sự giao nộp và tài liệu được Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, Chi nhánh H cung cấp, thể hiện: Theo tờ bản đồ và sổ mục kê phường P năm 1997 thì thửa đất đứng tên ông Dương Văn H2 (là bố anh Dương Văn N1); sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 14, diện tích 194m^2 đất do cha ông để lại, thửa đất có nguồn gốc là đất ở thổ cư, sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993. Ngày 02/7/2010, ông H2 họp gia đình và lập biên bản thống nhất phân chia cho các con quyền sử dụng đất.

Anh Dương Văn N1 được chia thửa đất 54B (tách từ thửa 54), tờ bản đồ số 14, diện tích 61,7m^2. Biên bản họp gia đình đã được UBND phường xác nhận. Anh Dương Văn N1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế hàng năm. Sau khi phân chia anh N1 kê khai đo đạc và có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng thủ tục, thửa đất có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp, khiếu nại, sử dụng ổn định. Anh N1 đã nộp phí trước bạ nhà đất đầy đủ. Ngày 12/10/2012 UBND quận H đã cấp Giấy chứng nhận số BL 633215 - thửa đất số 54B, tờ bản đồ số 14, diện tích 61,7 m^2, địa chỉ: Tổ 15 phường P, quận H, thành phố Hà Nội đứng tên anh Dương Văn N1.

Bản án sơ thẩm xác định hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị chia di sản của anh N1 để lại là thửa đất số 54B tờ bản đồ số 14 diện tích 61,7 m2 là có căn cứ.

Bị đơn anh Dương Ngọc M kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm định giá đất không đúng với giá thị trường, không khách quan, không giải quyết đơn khiếu nại kết quả định giá tài sản tranh chấp và yêu cầu định giá lại.

Xét, ngày 16/5/2022 đại diện Nguyên đơn có Đơn đề nghị xem xét, thẩm định định giá tài sản tranh chấp. Ngày 10/6/2022, Hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã tiến hành việc đo đạc, định giá tài sản tại thửa đất số 54B, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Tổ 15 phường P, quận H, thành phố Hà Nội, thành phố Hà Nội. Kết quả: Giá trị đất: 61.7m2 x 15.000.000 đ/m2 = 925.500.000 đồng. Giá trị nhà: 42.3m2 x 2.169.000đ/m2 x 30% = 27.524.610 đồng. Mái tôn: 15.9m2 x 443.000đ/m2 x 30% = 2.113.110 đồng. Tường rào: (2.54m x 1.8m) x 676.000đ/m2 x 30% = 927.202 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá (nhà, đất và các công trình trên đất) là: 957.203.122 đồng.

Sau khi có kết quả định giá tài sản nhà đất nêu trên, bị đơn anh Dương Ngọc M có đơn khiếu nại cho rằng giá 15.000.000đ/m^2 đất là không phù hợp, không khách quan và đề nghị định giá lại với phương thức mời đơn vị định giá độc lập hoặc Công ty cổ phần W, trụ sở BT5, phường M2, quận H1, Hà Nội tiến hành định giá tài sản. Nguyên đơn không nhất trí định giá lại với đơn vị định giá độc lập, chỉ đồng ý định giá lại theo Hội đồng định giá mà Tòa án thành lập quy định của Bộ luật tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chuyển đơn khiếu nại của anh M đến Hội đồng định giá. Tại Công văn số 316 ngày 11/4/2023, Phòng tài chính kế hoạch quận H đã trả lời: Hội đồng định giá đã tiến hành định giá đúng, đủ thành phần theo quy định. Việc định giá tiến hành đúng thủ tục, công khai, minh bạch, căn cứ vào thực tế, phù hợp giá thị trường tại địa phương tại thời điểm định giá.

Căn cứ Điều 104 BLTTDS cấp phúc thẩm đã ra quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá tiến hành định giá lại tài sản, tại biên bản định giá tài sản ngày 24/11/2023:

- Về đất: Hội đồng thống nhất giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm định giá là 40.700.000đ/m2. Giá trị quyền sử dụng đất: 61,7m2 x 40.700.000đ = 2.511.190.000đ

- Về tài sản trên đất: Các đương sự nhất trí với giá trị tài sản mà Hội đồng định giá tại cấp sơ thẩm xác định, không yêu cầu định giá lại tài sản trên đất.

Như vậy xác định di sản của anh N1 để lại là thửa đất số 54B tờ bản đồ số 14 diện tích 61,7 m2 tại Tổ 15, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, Hà Nội có tổng giá trị nhà và đất = 2.511.190.000đ + 31.703.122đ = 2.542.893.122đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - số BL 633215 do Uỷ ban nhân dân quận H cấp ngày 12/10/2012 đứng tên Dương Văn N1. (Địa chỉ hiện nay: Nhà số 7 Tổ 15, phường P, quận H, thành phố Hà Nội);

Do đó cần sửa án sơ thẩm, xác định di sản của anh N1 để lại có tổng giá trị 2.542.893.122đ.

Chia di sản thừa kế của anh N1 và ông H2 theo quy định pháp luật. Chia giá trị di sản thừa kế bằng tiền:

- Hàng thừa kế thứ nhất của anh N1 gồm ông H2 và bà C, chia thừa kế theo pháp luật mỗi người được ½ di sản = 1.271.446.561đ

- Chia di sản thừa kế của ông H2 cho các hàng thừa kế là bà C, anh M và anh M1 . Mỗi người được hưởng 1/3 di sản là 423.815.520đ

- Anh M được hưởng kỷ phần thừa kế tương đương giá trị 423.815.520đ.

Bị đơn anh M kháng cáo cho rằng việc Tòa án giao cho bà C nhận toàn bộ di sản nhà đất của ông N1 bằng hiện vật là không xem xét đến nhu cầu thực tế của các đương sự trong vụ án, không giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là vi phạm nghiêm trọng tố tụng đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Xét, nguồn gốc thửa đất của anh N1 cũng là được ông H2, bà C cho. Bà C đang ăn ở, sinh hoạt, quản lý nhà đất từ khi anh N1 chết đến nay, bà có nguyện vọng nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, sau khi chia thừa kế bà sẽ xây nhà thờ để thờ cúng tổ tiên và chồng con. Anh M1 đồng ý để bà C nhận bằng hiện vật phần của anh, anh nhận bằng giá trị. Anh Dương Ngọc M đang ở tại nhà xây 3 tầng trên đất được gia đình phân chia ở bên cạnh. Bản án sơ thẩm đã quyết định chia cho bà C được nhận thừa kế bằng hiện vật và thanh toán cho anh M, anh M1 giá trị kỷ phần thừa kế là phù hợp với nguyện vọng của bà cũng như truyền thống đạo đức gia đình và phù hợp quy định pháp luật. Kháng cáo của anh M là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bà C có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất theo quy định.

[4]. Xét kháng cáo của anh M đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố:

- Về yêu cầu phản tố của anh M đề nghị được thanh toán 15 triệu đồng tiền viện phí chi trả cho anh N1. Tại Công văn số 1175 ngày 17/4/2023 của Bệnh viện quân y 103 cung cấp bản sao toàn bộ bệnh án và bảng kê chi phí điều trị bệnh cho anh N1, thể hiện: Tổng chi phí khám, chữa bệnh: 26.235.332 đồng, trong đó: Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán: 20.924.266 đồng; người bệnh cùng trả: 5.231.066 đồng và khoản khác 80.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền người bệnh phải trả (sau khi trừ bảo hiểm y tế) là: 5.311.066 đồng chứ không phải 15.000.000 đồng như anh M khai, ngoài lời khai của anh M cho rằng đã bỏ tiền

thanh toán viện phí cho anh N1 thì anh M không xuất trình tài liệu nào khác nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh M là phù hợp.

- Về yêu cầu phản tố chia thừa kế đất nông nghiệp: căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 200 BLTTDS bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên tại đơn yêu cầu phản tố ngày 19/8/2022 bị đơn không có yêu cầu phản tố chia thừa kế đất nông nghiệp mà tại bản tự khai ngày 03/4/2023 của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn mới bổ sung thêm yêu cầu chia thừa kế đất nông nghiệp của ông H2 là quá thời hạn thụ lý bổ sung yêu cầu phản tố nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Mặt khác Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và được đại diện UBND phường P cung cấp: Để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội, UBND quận H đã có quyết định thu hồi đất nông nghiệp tại phường P, trong đó có hộ gia đình ông Dương Văn H2. Xác định thửa đất nông nghiệp hộ ông Dương Văn H2 là Thửa đất số 03 tờ bản đố số 04 bản trích đo địa chính phục vụ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được Phòng Tài nguyên Môi trường kiểm tra, xác nhận ngày 11/01/2023 có diện tích 405m2. Ngày 16/01/2023, UBND quận H có quyết định số 175/QĐ-UBND v/v thu hồi đất hộ ông (bà) Dương Văn H2 (ông H2 đã chết, người đại diện là bà Trần Thị C) và quyết định số 405/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường phục vụ dự án mở đường vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội. Thửa đất hộ ông Dương Văn H2 có trong diện thu hồi và được đền bù, tuy nhiên nội bộ gia đình bà C, anh M chưa có sự thống nhất nhận tiền đền bù, nên việc này đang tạm dừng chưa thực hiện. Do vậy, thẩm quyền giải quyết việc thu hồi và đền bù đất nông nghiệp nêu trên không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm chia di sản thừa kế là đất nông nghiệp của ông H2 là không nằm trong phạm vi xem xét của cấp phúc thẩm theo Điều 293 BLTTDS.

Tại cấp phúc thẩm anh M không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên kháng cáo nêu trên của anh M không được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu phản tố của anh M được chia số tiền 130.000.000 đồng gửi sổ tiết kiệm của ông Dương Văn H2 do anh M đã rút yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm nên cấp sơ thẩm đã đình chỉ đối với phần yêu cầu phản tố của anh M là phù hợp quy định pháp luật.

[5]. Đối với ông Dương Văn T yêu cầu bà Trần Thị C , anh Dương Ngọc M, Dương Văn M1 trả lại thửa đất 8 thước tại tổ 15 Động Lãm, Phú Lương, H của các cụ để lại. Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập ông Thuận và yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng ông Thuận không thực hiện. Yêu cầu của ông Thuận không liên quan đến việc khởi kiện chia thừa kế tài sản giữa bà C với anh M. Vì vậy ông Dương Văn T không được xác định có tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không có căn cứ xem xét yêu cầu của ông Thuận trong vụ án tranh chấp thừa kế tài sản này.

[6] Quan điểm của VKS TP Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7]. Về án phí:

- Nguyên đơn bà Trần Thị C , sinh năm 1949 là Người Cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án được miễn án phí.

- Bị đơn (anh M), người liên quan (anh M1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng kỷ phần được hưởng thừa kế.

- Bị đơn (anh M) phải chịu án phí do không được chấp nhận phần yêu cầu phản tố số tiền 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng.

Bản án bị sửa nên anh M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 658, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 2 Luật Người Cao tuổi; điểm đ khoản 1, Điều 12; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Dương Ngọc M. Sửa Bản án số: 52/2023/DS-ST ngày: 30/5/2023 Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội và Quyết định như sau:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Thị C .

[2]. Xác định di sản thừa kế của anh Dương Văn N1 là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 54B, tờ bản đồ số 14, diện tích 61,7m^2, địa chỉ: Tổ 15 Động Lãm, phường Phú Lương, quận H, Hà Nội có tổng giá trị là 2.542.893.122đồng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - số BL 633215 do Uỷ ban nhân dân quận H cấp ngày 12/10/2012 đứng tên Dương Văn N1. (Địa chỉ hiện nay: Nhà số 7 Tổ 15, phường P, quận H, thành phố Hà Nội);

[3] Xác định thời điểm mở thừa kế của anh N1 vào ngày 20/01/2017, không để lại di chúc.

- Xác định hàng thừa kế hàng thứ nhất của anh N1 gồm bố mẹ đẻ là ông Dương Văn H2 và bà Trần Thị C . Chia thừa kế cho ông H2 và bà C mỗi người được hưởng 1/2 di sản, mỗi kỷ phần được hưởng 2.542.893.122đ : 2= 1.271.446.561 đồng.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Dương Văn H2 vào ngày 31/7/2019. Xác nhận phần di sản của ông H2 là 1.271.446.561 đồng. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông H2 gồm vợ là bà C và hai con là anh M, anh M1 . Chia thừa kế cho bà C, anh M, anh M1 mỗi người được 1/3, mỗi kỷ phần được hưởng 423.815.520 đồng.

- Chia bằng hiện vật: Chia cho bà Trần Thị C được quản lý sử dụng diện tích 61.7m^2 đất và sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 54B, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Tổ 15 phường P, quận H, thành phố Hà Nội (mốc giới thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - số BL 633215 do Uỷ ban nhân dân quận H cấp ngày 12/10/2012 đứng tên Dương Văn N1).

- Đối với bà Trần Thị C được giao quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại phần quyết định của bản án này có quyền, nghĩa vụ chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản đối với diện tích đất hoặc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất được (giao) chia theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

Khi có yêu cầu: Bà Trần Thị C là người đang quản lý (giữ) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - số BL 633215 do Uỷ ban nhân dân quận H cấp ngày 12/10/2012 đứng tên Dương Văn N1, có quyền, nghĩa vụ giao lại cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất theo Quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật. Trường hợp người đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không giao hoặc không thể giao lại được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án dân sự năm 2014 và quy định của pháp luật.

[4] Buộc bà Trần Thị C thanh toán cho anh Dương Ngọc M và anh Dương Văn M1 mỗi người 423.815.520 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5]. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của anh M đề nghị được chia số tiền 130.000.000 đồng gửi sổ tiết kiệm của ông Dương Văn H2 do anh M đã rút yêu cầu.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Dương Ngọc M đối với đề nghị được thanh toán 15 triệu đồng tiền chi trả viện phí.

- Không xem xét yêu cầu phản tố của anh M đối với yêu cầu chia thừa kế thửa đất nông nghiệp tại phường P, Quận H đang thuộc diện thu hồi, giải phóng mặt bằng theo quy định của nhà nước.

[6]. Về án phí:

- Bà Trần Thị C được miễn toàn bộ án phí dân sự.

- Anh Dương Văn M1 phải chịu 20.952.620 án phí dân sự sơ thẩm tương ứng kỷ phần được hưởng thừa kế.

- Anh Dương Ngọc M phải chịu 21.702.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm (gồm 20.952.600 đồng án phí tương ứng kỷ phần được hưởng thừa kế và 750.000 đồng án phí đối với phần phản tố không được chấp nhận). Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 3.625.000 đồng đã nộp tại Biên lai nộp tiền số 0010534 ngày 12/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, Hà Nội. Anh M còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm còn lại.

- Bản án sơ thẩm bị sửa nên anh Dương Ngọc M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh anh M 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai nộp tiền số 0003727 ngày 21/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm xét xử công khai và có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: *- Các đương sự;* *- VKSND TP Hà Nội;* *- TAND Q. H ;* *- VKSND TP Hà Nội* *- Chi cục THADS Q. H;*	**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **Vũ Toàn Giang**